

*Cẩm Khê, ngày 20 tháng 9 năm 2024*

Số: 88/2024/QĐST- HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 202/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Anh Hoàng Đức T, sinh năm 1982

Địa chỉ: Khu Đ, xã C, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú T.

Bị đơn: Chị Cẩm Thị T, sinh năm 1983

Địa chỉ: Khu Đ, xã C, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú T.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 9 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 9 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Hoàng Đức T và chị Cẩm Thị T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Anh Hoàng Đức T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Cẩm Trà M, sinh ngày 16/01/2010 và Hoàng Cẩm Hoài N, sinh ngày 19/08/2012, kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T, do anh T tự nguyện không yêu cầu.

Chị Cẩm Thị T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Anh Hoàng Đức T và chị Cẩm Thị T thống nhất không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Hoàng Đức T tự nguyện chịu cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Xác nhận anh T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004951 ngày 10/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú T. Hoàn trả cho anh T 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn P  
huyện P, tỉnh S;
- Chi cục THADS h. Cẩm Khê
- Lưu HSVA.

**THẨM PHÁN**

**Trần Việt Dũng**

